

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo **định hướng nghiên cứu**, cụ thể:

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4.1. Khái quát chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo này được xây dựng trên cơ sở tham khảo các bộ chương trình khung và đề cương chi tiết của các cơ sở đào tạo sau đại học trong nước và nước ngoài:

Trong nước:

- Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
- Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh
- Trường Đại học Xây dựng

Trên đây là 03 cơ sở đào tạo Sau đại học ngành Kiến trúc đã được Bộ Giáo dục và đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trong nhiều năm qua cho cả nước.

Nước ngoài:

- Trường Đại học ChiangMai, Thái Lan

Chương trình đào tạo được tổ chức theo hình thức "đào tạo theo học chế tín chỉ", theo thông tư số 15/2014-TT-BGD&ĐT ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014. Quy chế đào tạo thạc sĩ, mỗi tín chỉ tương đương với 15 tiết lý thuyết (chuẩn) hoặc 30 tiết thực hành, 60 tiết tự học.

Các học phần ở trình độ thạc sĩ bao gồm 46 tín chỉ: trong đó 38 tín chỉ bắt buộc và tự chọn được học trong 12 tháng của tổng thời gian đào tạo là 18 tháng; Phần thực hiện luận văn tốt nghiệp sẽ được thực hiện bắt đầu từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 18 và có khối lượng là 8 tín chỉ.

Các môn chung bao gồm: Triết học, ngoại ngữ

Các môn cơ sở bắt buộc bao gồm: phương pháp Nghiên cứu khoa học, lý luận phê bình kiến trúc, văn hóa với kiến trúc; Các môn cơ sở tự chọn được chọn 2 trong 4 môn học: Kiến trúc nhà ở, Kiến trúc công cộng, Kiến trúc công nghiệp và một Chuyên đề mở về kiến trúc.

Phần kiến thức chuyên ngành được chia ra làm 2 phần: phần lý thuyết và phần đồ án (đặc thù riêng của ngành kiến trúc). Phần kiến thức chuyên ngành lý thuyết bắt buộc bao gồm các học phần: Kiến trúc di sản, Kiến trúc cảnh quan, Kiến trúc nông thôn, Kiến trúc bền vững và 1 chuyên đề mở; Phần kiến thức chuyên ngành lý thuyết tự chọn được chọn 2 trong 5 học phần: Xã hội học đô thị, Kiến trúc và môi trường, Kiến trúc nhà cao tầng, Thiết kế đô thị và 1 Chuyên đề mở. Phần kiến thức chuyên ngành đồ án được lựa chọn 2 trong số 4 đồ án kiến trúc: đồ án Thiết kế kiến trúc theo hướng phát triển bền vững, đồ án Thiết kế kiến trúc theo hướng ứng dụng kỹ thuật và công nghệ mới, đồ án Kiến trúc và di sản, đồ án Kiến trúc và môi trường cảnh quan.

Trong các môn đưa vào chương trình đều có kiến thức nâng cao để định hướng đến việc hình thành các kiến thức chuyên sâu. Có một số môn học được xem là mới so với chương trình đại học. Một điểm đặc biệt của chương trình đào tạo nằm ở **tính mở** của các môn học thông 3 chuyên đề xuyên suốt trong quá trình đào tạo. Đó là các chuyên đề được thiết kế theo những kiến thức mang tính thời đại (kiến trúc sinh khí hậu, phát triển bền vững); kiến thức mang tính bản địa (Kiến trúc truyền thống Huế, Kỹ thuật trùng tu); kiến thức chuyên sâu (hình thái học đô thị, đô thị hóa và sự phân bố dân cư) và được giảng dạy bởi các giảng viên có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy và thực tế.

So sánh với chương trình đào tạo cao học ngành Kiến trúc của các Trường đại học Kiến trúc Hà Nội, đại học Xây dựng, đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh thì chương trình đào tạo cao học Kiến trúc do Đại học Huế đăng ký là tương đương với các học phần chung; nhiều hơn ở khối lượng kiến thức chuyên ngành. Phần học tự chọn, chuyên đề, các đồ án kiến trúc và thực tập tốt nghiệp sẽ được xây dựng phù hợp với đặc trưng văn hóa, kiến trúc của các tỉnh miền trung và Tây Nguyên nói chung và của tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Chuyên ngành Kiến trúc bậc cao học đã có mã số (60.58.01.02), do vậy khung chương trình đào tạo do Đại học Huế xây dựng đáp ứng nguyên tắc đảm bảo phân cứng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (80%) và thay đổi 20% số học phần cho phù hợp với điều kiện của cơ sở đào tạo và đặc thù của địa phương.

4.2. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kiến trúc được phát triển theo **định hướng nghiên cứu**.

Chương trình đào tạo được thể hiện như sau:

KHỐI KIẾN THỨC		SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	Triết học	4	15%
	Tiếng Anh chuyên ngành	3	
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ	Bắt buộc	7	15%
	Lựa chọn	4	9%
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	Bắt buộc	10	22%
	Lựa chọn	10	22%
Luận văn tốt nghiệp		8	17%
Tổng số		46	100%

4.3. Nội dung chương trình đào tạo:

Bảng 13: Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kiến trúc

Mã số	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	TC lý thuyết	TC thực hành
	CÁC HỌC PHẦN CHUNG	7	6	1
KT6001	Triết học	4	4	0
KT6002	Ngoại ngữ (tiếng Anh) (hỗ trợ)	3	2	1
A	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ	11	10	3
	CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC	7	5	2
KT6003	Phương pháp NCKH	3	2	1
KT6004	Lý luận phê bình kiến trúc	2	1.5	0.5

KT6005	Văn hóa kiến trúc	2	1.5	0.5
	CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN (chọn 2 trong 4 học phần)	4/8	3	1
KT6006	Lý thuyết kiến trúc nhà ở	2	1,5	0.5
KT6007	Lý thuyết kiến trúc nhà công cộng	2	1.5	0.5
KT6008	Lý thuyết kiến trúc nhà công nghiệp	2	1.5	0.5
KT6009	Chuyên đề kiến trúc 1	2	1.5	0.5
B	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	16	10	6
	CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC	10	7	3
KT6010	Kiến trúc di sản	2	1.5	0.5
KT6011	Kiến trúc bền vững	2	1.5	0.5
KT6012	Kiến trúc nông thôn	2	1.5	0.5
KT6013	Kiến trúc cảnh quan	2	1.5	0.5
KT6014	Chuyên đề kiến trúc 2	2	1	1
	CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN	10	4	6
	<i>Lý thuyết (chọn 2 trong 5 học phần)</i>	4/10	3	1
KT6015	Kiến trúc và môi trường	2	1.5	0.5
KT6016	Xã hội học đô thị	2	1.5	0.5
KT6017	Kiến trúc nhà cao tầng	2	1.5	0.5
KT6018	Thiết kế đô thị	2	1.5	0.5
KT6019	Chuyên đề kiến trúc 3	2	1.5	0.5
	Đồ án kiến trúc 1 (chọn 1 trong 2)	3/6	0	3

KT6020	Đồ án 1: Thiết kế kiến trúc theo hướng phát triển bền vững	3	0	3
KT6021	Đồ án 2: Thiết kế kiến trúc theo hướng ứng dụng kỹ thuật và công nghệ mới	3	0	3
	Đồ án kiến trúc 2 (chọn 1 trong 2)	3/6	0	3
KT6022	Đồ án 1: Kiến trúc và di sản	3	0	3
KT6023	Đồ án 2: Kiến trúc và môi trường cảnh quan	3	0	3
	TỐT NGHIỆP	8		
KT6024	Luận văn TN	8		
	Tổng cộng	46		

4.4. Kế hoạch đào tạo (dự kiến)

Năm thứ nhất:

Học kỳ I:

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Triết học	4
2	Ngoại ngữ (hỗ trợ)	3
3	Phương pháp NCKH	3
4	Lý luận phê bình kiến trúc	2
5	Văn hóa kiến trúc	2
6	Học phần các môn cơ sở tự chọn	4
7	Đồ án kiến trúc 1 (tự chọn)	3
	Tổng cộng	21

Học kỳ II:

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Kiến trúc di sản	2
2	Kiến trúc cảnh quan	2
3	Kiến trúc nông thôn	2
4	Kiến trúc bền vững	2
5	Chuyên đề kiến trúc 2	2
6	Các học phần chuyên ngành tự chọn	4
7	Đồ án kiến trúc 2 (tự chọn)	3
	Tổng cộng	17

Năm thứ hai:

Học kỳ III:

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ
1	Luận văn tốt nghiệp	8
	Tổng cộng	8

Quy định chung để hoàn thành chương trình đào tạo

- Toàn bộ chương trình sẽ được tổ chức giảng dạy trong 3 học kỳ, tương đương với 18 tháng. Ở mỗi học kỳ thời gian lên lớp học lý thuyết và thực hành trong 10-12 tuần lễ (30 tiết chuẩn/tuần), thời gian còn lại dành cho học viên tham khảo tài liệu tại thư viện, tự học hoặc làm việc với cán bộ hướng dẫn để định hướng đề tài nghiên cứu tốt nghiệp.

- Các học viên ghi tên đăng ký môn học sẽ được dự thi môn học đó 2 lần. Nếu thi 2 lần không đạt học viên phải đăng ký học lại môn đó và thi lại. Tuy nhiên, việc đăng ký học và thi lại không được kéo dài quá thời gian đào tạo theo qui định của Bộ GD&ĐT là 3 năm.

- Học viên thi đạt trong một kỳ thi của học phần sẽ được cấp giấy chứng nhận khi có yêu cầu. Chứng chỉ học phần có giá trị 5 năm kể từ học kỳ thi đạt.

- Học viên đã học đủ số tín chỉ ghi trong chương trình đào tạo và bảo vệ thành công luận văn sẽ được Trường lập thủ tục cấp bằng thạc sĩ chuyên ngành “Kiến trúc”

Phân bổ các môn học

- *Các môn chung*: bao gồm Triết học (4 tín chỉ) được giảng dạy theo chương trình và qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định mới đối với các môn học. Riêng học phần ngoại ngữ (tiếng Anh) sẽ được giảng dạy phần cơ bản (3 tín chỉ).

- *Các môn cơ sở*: 11 tín chỉ (chiếm 24%) (đính kèm đề cương chi tiết các môn học); là phần kiến thức bắt buộc (bao gồm cả lý thuyết và thực hành). Các môn học này sẽ giải quyết các khái niệm, lý thuyết, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu về khoa học kiến trúc.

- *Các môn chuyên ngành*: 16 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 44%, đính kèm đề cương chi tiết các môn học); được chia ra như sau:

+ Phần tự chọn đồ án học: tổng cộng 6 tín chỉ phân bổ cho 2 đồ án kiến trúc chuyên sâu 1 và 2. Các đồ án này nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo **định hướng nghiên cứu** giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp theo xu thế kiến trúc thời đại; bên cạnh đó việc nghiên cứu chuyên sâu các đồ án có thể giúp học viên tham gia vào quá trình thiết kế toàn diện, từ đó ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tế.

+ Phần tự chọn lý thuyết: tổng cộng có 10 tín chỉ. Các môn học tự chọn này nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo theo **định hướng nghiên cứu**, được phân bổ vào các nhóm ngành chuyên sâu đáp ứng cho việc chuyển tiếp nghiên cứu sinh.

- *Luận văn tốt nghiệp*: 8 tín chỉ (chiếm tỷ lệ 17%)

+ Sau khi hoàn tất 2 học kỳ, mỗi học viên sẽ chọn chuyên đề nghiên cứu tốt nghiệp với sự đồng ý của cán bộ hướng dẫn chính và phải qua bảo vệ đề cương luận văn tốt nghiệp trước hội đồng xét duyệt đề cương tốt nghiệp. Sau khi hội đồng xét duyệt chấp thuận đề cương nghiên cứu, học viên mới tiến hành đề tài nghiên cứu của mình.

+ Để tránh trùng lặp trong chọn đề tài và phù hợp với chương trình đào tạo, các đề tài luận văn tốt nghiệp phải qua Hội đồng Khoa học - đào tạo của Trường Đại học Khoa học phê duyệt và chấp nhận.